

Số: 43/KH-UBND

Cần Thơ, ngày 06 tháng 3 năm 2019

KẾ HOẠCH
Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Cần Thơ năm 2019

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3205/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Cần Thơ đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BTC-BTTTT ngày 12 tháng 12 năm 2012 hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020";

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2015/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các đối tượng chính sách xã hội;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố Cần Thơ.

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch Đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Cần Thơ năm 2019, với các nội dung cụ thể sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và chỉ tiêu kế hoạch Kinh tế - Xã hội được giao năm 2019.

2. Đào tạo nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp cho các đối tượng chính sách xã hội và người lao động trên địa bàn thành phố Cần Thơ chưa có việc làm, việc làm chưa ổn định có nhu cầu học nghề để giải quyết việc làm ổn định cuộc sống; trong đó, tập trung đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn đủ trình

độ, năng lực vào làm việc ở các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ, làng nghề, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, dự án đầu tư lớn và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để chuyển đổi nghề; đào tạo nghề nông nghiệp cho một bộ phận lao động nông thôn để thực hành sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại; góp phần nâng cao chất lượng lao động qua đào tạo, nâng cao tỷ lệ giảm nghèo và giảm nghèo bền vững đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn của thành phố, về đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020.

3. Đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế cho công chức các xã, phường, thị trấn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và thực thi công vụ.

4. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, các đơn vị tham gia đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

III. CHỈ TIÊU

1. Dạy nghề cho 5.520 người, trong đó:

a) Dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng: 5.520 (3913) người.

b) Dạy nghề trình độ trung cấp theo nhu cầu đề xuất của địa phương.

2. Giải quyết việc làm: 3.149 người, chiếm 80.5% trong tổng số lao động được hỗ trợ dạy nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng.

IV. CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn.

a) Nội dung hoạt động:

- Tiếp tục tăng cường quán triệt tinh thần Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3205/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Cần Thơ đến năm 2020 làm tăng cường nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, cán bộ, công chức trong việc thực hiện tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt hiệu quả.

- Tuyên truyền sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ đối với lao động nông thôn tham gia học nghề, để người dân hiểu rõ về lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc tham gia học nghề góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống với các nội dung hoạt động sau:

+ Xây dựng chuyên mục đào tạo nghề cho lao động nông thôn phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ dưới dạng chuyên đề, phóng sự và bản tin.

+ Xây dựng chuyên trang đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên Nhật báo Cần Thơ với định kỳ mỗi tuần/01 lần.

+ Xây dựng chuyên đề trên Báo Đại đoàn kết, mỗi tháng phát hành 02 kỳ và 01 kỳ tuyên truyền kết quả những thành tựu đào tạo nghề sau 10 năm thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đăng gộp Báo Xuân 2019.

+ Xây dựng chuyên đề trên Báo Lao động và Xã hội, mỗi tháng phát hành 01 kỳ.

+ Chuyên đề về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên Đài Truyền thanh 09 quận, huyện với định kỳ mỗi tuần/01 lần với nội dung do Ban chỉ đạo Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố và Ban chỉ đạo của các quận, huyện cung cấp (tùy theo yêu cầu cụ thể của từng địa phương).

+ Xây dựng sổ tay tuyên truyền về chính sách Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các thông tin hướng nghiệp, nhu cầu tuyển dụng... cho cán bộ cơ sở, nhân dân lao động trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động đối với đội ngũ tuyên truyền viên là cán bộ cơ sở.

b) Kinh phí thực hiện dự kiến 421.000.000đ, gồm:

- Thông tin trên Nhật Báo Cần Thơ:

6.333.000đ/tháng x 12 tháng = 76.000.000đ

- Thông tin trên Báo Đại đoàn kết:

4.166.666đ/kỳ x 24 kỳ = 100.000.000đ

20.000.000đ/kỳ x 01 kỳ = 20.000.000đ

- Thông tin trên Báo Lao động và Xã hội:

5.500.000đ/kỳ x 12 kỳ = 66.000.000đ

- Chuyên mục trên Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ:

4.000.000đ/tháng x 12 tháng = 48.000.000đ

- Thông tin trên Đài Truyền thanh các quận, huyện:

1.000.000đ/tháng x 09 tháng x 09 đài = 81.000.000đ

- In sổ tay tuyên truyền: 30.000.00đ

c) Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương.

2. Khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn

a) Nội dung hoạt động:

Tổ chức khảo sát, rà soát, cập nhật thông tin nhu cầu học nghề của người lao động; nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của các doanh nghiệp; năng lực đào tạo của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn; để từ đó xây dựng danh mục nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển Kinh tế - Xã hội của từng quận, huyện và của người lao động. Tập trung xây dựng mô hình điểm để chỉ đạo, rút kinh nghiệm

trong xây dựng mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, đặc biệt nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả.

b) Kinh phí thực hiện dự kiến: 54.000.000đ, gồm:

Dự kiến bình quân: 6.000.000đ/quận, huyện x 9 = 54.000.000đ

c) Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương.

3. Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án

a) Nội dung hoạt động:

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng và cuối năm tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động thôn thôn ở các quận, huyện.

- Báo cáo, tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung Đề án; tình hình quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch.

b) Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí dự kiến là 254.891.000 đồng.

Bao gồm các hoạt động kiểm tra, giám sát, hội họp, công tác, hội nghị sơ kết, tổng kết....

+ Kiểm tra, giám sát các lớp dạy nghề nông nghiệp: 39.000.000 đồng.

+ Kiểm tra, giám sát các lớp dạy nghề phi nông nghiệp: 125.000.000 đồng

+ Đánh giá tình hình thực hiện Đề án: 74.391.000 đồng.

+ Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch dạy nghề nông nghiệp (Tổ chức Hội nghị tổng kết dạy nghề nông nghiệp): 16.500.000 đồng

c) Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương

4. Hỗ trợ dạy nghề cho người lao động

a) Tổng số: 3.913 người.

b) Tổng kinh phí: 11.270.109.000 đồng.

c) Hỗ trợ dạy nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho 5.520 (3913) người.

- Dạy nghề nông nghiệp:

Trình độ đào tạo sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng cho: 1.020 người

Kinh phí tạm tính: **2.844.500.000 đồng**. Cụ thể:

+ **Đối tượng 1:** Lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác: 110 người, kinh phí hỗ trợ là 359.500.000 đồng. Trong đó:

. Chi phí hỗ trợ dạy nghề: 110 người x 1.600.000 đồng/người/khóa = 176.000.000 đồng.

. Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học nghề: 110 x 30.000 đồng/ngày x 55 ngày = 181.500.000 đồng

. Hỗ trợ tiền đi lại trong thời gian học nghề cho người phải đi học xa nơi cư trú trên 15km, dự kiến khoảng 10 người: $10 \text{ người} \times 200.000 \text{ đồng/người/khóa học} = 2.000.000 \text{ đồng}$.

+ **Đối tượng 2:** Lao động thuộc hộ cận nghèo: 40 người, kinh phí thực hiện là: 132.000.000 đồng

. Chi phí hỗ trợ dạy nghề: $40 \text{ người} \times 1.600.000 \text{ đồng/người/khóa} = 64.000.000 \text{ đồng}$.

. Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học nghề: $40 \times 30.000 \text{ đồng/ngày} \times 55 \text{ ngày} = 66.000.000 \text{ đồng}$.

. Hỗ trợ tiền đi lại trong thời gian học nghề cho người phải đi học xa nơi cư trú trên 15km, dự kiến khoảng 10 người: $10 \text{ người} \times 200.000 \text{ đồng/người/khóa học} = 2.000.000 \text{ đồng}$

+ **Đối tượng 3:** Lao động nông thôn khác: 870 người, kinh phí hỗ trợ là 2.353.000.000 đồng, trong đó:

. Chi phí hỗ trợ dạy nghề: $870 \text{ người} \times 1.600.000 \text{ đồng/người/khóa} = 1.392.000.000 \text{ đồng}$.

. Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học nghề: $870 \text{ người} \times 20.000 \text{ đồng/ngày} \times 55 \text{ ngày} = 957.000.000 \text{ đồng}$.

. Hỗ trợ tiền đi lại trong thời gian học nghề cho người phải đi học xa nơi cư trú trên 15km, dự kiến: $20 \text{ người} \times 200.000 \text{ đồng/người/khóa học} = 4.000.000 \text{ đồng}$.

- Dạy nghề phi nông nghiệp:

Hỗ trợ dạy nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho 2.893 người.

Kinh phí tạm tính: 8.425.609.000 đồng. Cụ thể:

+ **Đối tượng 1:** Lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công cách mạng, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác: 370 người, kinh phí hỗ trợ 1.332.670.000 đồng, trong đó:

. Chi phí hỗ trợ dạy nghề: $370 \text{ người} \times 1.611.000 \text{đ/người/khóa} = 596.070.000 \text{ đồng}$.

. Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học nghề: $370 \text{ người} \times 30.000 \text{đ/ngày} \times 22 \text{ ngày/tháng} \times 3 \text{ tháng} = 732.600.000 \text{ đồng}$.

. Hỗ trợ tiền đi lại trong thời gian học nghề cho người phải đi học xa nơi cư trú trên 15km, dự kiến: $20 \text{ người} \times 200.000 \text{đ/người/khóa học} = 4.000.000 \text{ đồng}$.

- **Đối tượng 2:** Lao động thuộc hộ cận nghèo: 135 người, kinh phí thực hiện 478.955.000 đồng.

. Chi phí hỗ trợ dạy nghề: $135 \text{ người} \times 1.553.000 \text{đ/người/khóa} = 209.655.000 \text{ đồng}$.

. Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học nghề: $135 \text{ người} \times 30.000 \text{đ/ngày} \times 22 \text{ ngày/tháng} \times 3 \text{ tháng} = 267.300.000 \text{ đồng}$.

. Hỗ trợ tiền đi lại trong thời gian học nghề cho người phải đi học xa nơi cư trú trên 15km, dự kiến: $10 \text{ người} \times 200.000 \text{đ/người/khóa học} = 2.000.000 \text{ đồng}$.

+ **Đối tượng 3:** Lao động nông thôn khác chưa có việc làm, có việc làm chưa ổn định có nhu cầu học nghề ổn định cuộc sống: 2.388 người, kinh phí hỗ trợ 6.613.984.000 đồng, trong đó:

. Chi phí hỗ trợ dạy nghề: 2.388 người x 1.448.000đ/người/khóa = 3.457.824.000 đồng.

. Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học nghề: 2.388 người x 20.000đ/ngày x 22 ngày/tháng x 3 tháng = 3.152.160.000 đồng.

. Hỗ trợ tiền đi lại trong thời gian học nghề cho người phải đi học xa nơi cư trú trên 15km, dự kiến: 20 người x 200.000đ/người/khóa học = 4.000.000 đồng.

* Nội dung chi và mức chi đối với các nghề Nông nghiệp thực hiện theo Công văn số 4491/UBND-KT ngày 18 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc định mức chi dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2013 và nghề phi nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Công văn số 3271/UBND-KT ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc định mức chi dạy nghề cho lao động nông thôn... Nếu các nghề không có trong danh mục các văn bản nêu trên, hoặc có trong danh mục nhưng chưa phù hợp với thời điểm thực tế thì lập dự toán trình Sở Tài chính xem xét trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt để thực hiện.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã:

Bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho CBCC về kiến thức pháp luật, cải cách hành chính, nội vụ, thi đua, Lao động - Thương binh và Xã hội và các chuyên đề bồi dưỡng CBCC do Bộ Nội vụ ban hành thực hiện theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” (đối với CBCC cấp xã) nhằm nâng cao hiệu quả thực thi công vụ.

V. Nguồn kinh phí thực hiện:

Ngân sách địa phương: 12.000.000.000 đồng. Trong đó:

1. Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn: 421.000.000 đồng.

a) Thông tin trên Nhật Báo Cần Thơ:

6.333.000đ/tháng x 12 tháng = 76.000.000đ

b) Thông tin trên Báo Đại đoàn kết:

4.166.666đ/kỳ x 24 kỳ = 100.000.000đ

20.000.000đ/kỳ x 01 kỳ = 20.000.000đ

c) Thông tin trên Báo Lao động và Xã hội:

5.500.000đ/kỳ x 12 kỳ = 66.000.000đ

d) Chuyên mục trên Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ:

$$4.000.000\text{đ/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 48.000.000\text{đ}$$

đ) Thông tin trên Đài Truyền thanh các quận, huyện:

$$1.000.000\text{đ/tháng} \times 09 \text{ tháng} \times 09 \text{ đài} = 81.000.000\text{đ}$$

e) In sổ tay tuyên truyền: 30.000.00đ

2. Điều tra khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề: 54.000.000đ

Hỗ trợ điều tra khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho 09 quận, huyện. Trong đó mỗi quận, huyện 6.000.000đ

3. Hỗ trợ dạy nghề cho người lao động 11.270.109.000 đồng. Trong đó:

a) Dạy nghề nông nghiệp: 2.844.500.000 đồng

b) Dạy nghề phi nông nghiệp: 8.425.609.000 đồng

4. Giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án: 254.891.000 đồng. Trong đó:

a) Kiểm tra, giám sát các lớp dạy nghề nông nghiệp: 39.000.000đồng.

b) Kiểm tra, giám sát các lớp dạy nghề phi nông nghiệp: 125.000.000đồng.

c) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch dạy nghề nông nghiệp: 16.500.000 đồng.

d) Đánh giá tình hình thực hiện Đề án: 74.391.000 đồng.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này đến các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố và các địa phương có liên quan. Chịu trách nhiệm quản lý về dạy nghề phi nông nghiệp.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chịu trách nhiệm quản lý kinh phí và triển khai công tác dạy nghề nông nghiệp.

3. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm quản lý kinh phí và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.

a) Các sở, ban ngành, đoàn thể thành phố và địa phương có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch theo nhiệm vụ được phân công theo Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Cần Thơ và Thông tư liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNN&PTNT-BNV-BCT-BTTTT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Bộ trưởng Bộ Công Thương - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

b) Nội dung thông tin, tuyên truyền trên các báo đài (Nhật Báo Cần Thơ, Báo Đại Đoàn kết, Báo Lao động và Xã hội, Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ) được triển khai thực hiện từ tháng 01 năm 2019 theo Quyết định số

3205/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Cần Thơ đến năm 2020.

c) Đối với danh mục các lớp nghề và đơn vị tham gia đào tạo nghề đã đăng ký đính kèm theo Kế hoạch, nếu có sự thay đổi thì tùy theo tình hình thực tế, giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, xem xét và điều chỉnh kịp thời các lớp nghề thuộc đơn vị phụ trách nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề và giải quyết việc làm tại địa phương.

VII. Công tác thông tin, báo cáo

Các sở, ban ngành thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm báo cáo kết quả, tiến độ triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các ý kiến đề xuất và giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu cho Thường trực Ban Chỉ đạo thành phố theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm (vào ngày 10 của tháng cuối quý)/.

(Đính kèm Phụ lục số 1, 2, 3, 4)

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH;
- TT.TU, TT.HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBND TP;
- Các sở, ban ngành TP;
- UBND quận, huyện;
- VP.UBND TP (3BC);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.TP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Thị Hồng Ánh

PHỤ LỤC 1
KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH DẠY NGHỀ
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2019

ĐVT: ngàn đồng (1.000)

STT	Nội dung	Số tiền
1	Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm	421.000
-	Ngân sách địa phương	421.000
2	Điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề, sử dụng lao động qua đào tạo nghề	54.000
-	Ngân sách địa phương	54.000
3	Hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn và các đối tượng chính sách xã hội khác	11.270.109
3.1	Dạy nghề nông nghiệp	2.844.500
-	Ngân sách địa phương	2.844.500
3.2	Dạy nghề phi nông nghiệp	8.425.609
-	Ngân sách địa phương	8.425.609
4	Kiểm tra, giám sát, đánh giá đề án	254.891
4.1	Kiểm tra, giám sát dạy nghề nông nghiệp	39.000
-	Ngân sách địa phương	39.000
4.2	Kiểm tra, giám sát dạy nghề phi nông nghiệp	125.000
-	Ngân sách địa phương	125.000
4.3	Đánh giá thực hiện Kế hoạch dạy nghề nông nghiệp	16.500
-	Ngân sách địa phương	16.500
4.4	Đánh giá thực hiện Đề án	74.391
-	Ngân sách địa phương	74.391
Tổng số (1+2+3+4)		12.000.000
Ngân sách địa phương		12.000.000

PHỤ LỤC 2
CÁC LỚP NGHỀ NÔNG NGHIỆP

STT	Địa phương	Số lớp dưới 3 tháng và sơ cấp nghề	Số lớp Trung cấp nghề	Tổng số
I	Quận Bình Thủy	01		01
1	Nghề Trồng rau an toàn	1		1
II	Quận Ô Môn	03		03
1	Nghề Trồng cây ăn trái	2		2
2	Nghề Nuôi và phòng trị bệnh dê	1		1
III	Quận Thốt Nốt	03		03
1	Nghề Nhân giống lúa	1		1
2	Nghề Trồng nấm	1		1
3	Nghề Trồng cây ăn trái	1		1
IV	Huyện Phong Điền	05		05
1	Nghề Trồng cây ăn trái	2		2
2	Nghề Trồng dưa hấu	1		1
3	Nghề Nuôi và phòng trị bệnh gia cầm	1		1
4	Nghề Nuôi và phòng trị bệnh dê	1		1
V	Huyện Thới Lai	08		08
1	Nghề Trồng cây ăn trái	3		3
2	Nghề Trồng rau an toàn	1		1
3	Nghề Nhân giống lúa	2		2
4	Nghề Trồng hoa, cây cảnh	1		1
5	Nghề Nuôi trùn quế	1		1
VI	Huyện Cờ Đỏ	05		05
1	Nghề Cây ăn trái	3		3
2	Nghề Nuôi và phòng trị bệnh gia cầm	1		1
3	Nghề Nhân giống lúa	1		1
VII	Huyện Vĩnh Thạnh	05		05
1	Nghề Nuôi và phòng trị bệnh gia súc	1		1
2	Nghề Nhân giống lúa	2		2
3	Nghề Trồng hoa, cây cảnh	1		1
4	Nuôi và phòng trị bệnh gia cầm	1		1
Tổng cộng		30		30

PHỤ LỤC 3
CÁC LỚP NGHỀ PHI NÔNG NGHIỆP

STT	Địa phương	Số lớp dưới 3 tháng và sơ cấp nghề	Số lớp Trung cấp nghề	Tổng số
I	Quận Ninh Kiều	15		15
1	Sửa chữa máy tính	1		1
2	Thiết kế đồ họa quảng cáo	1		1
3	Pha chế	4		4
4	Trang điểm	2		2
5	Làm móng	1		1
6	Nấu ăn	2		2
7	May công nghiệp	3		3
8	Lái xe B2	1		1
II	Quận Bình Thủy	13		13
1	May công nghiệp	3		3
2	Nghề Nấu ăn	1		1
3	Nghề Pha chế	3		3
4	Nghề Làm móng (Nails)	1		1
5	Nghề Điện lạnh	2		2
6	Nghề Điện dân dụng	1		1
7	Nghề Nề (kỹ thuật xây dựng)	1		1
8	Nghề Trang điểm	1		1
III	Quận Cái Răng	11		11
1	Nghề Lái xe ô tô B2	3		3
2	Nghề Nấu ăn	1		1
3	Nghề Sửa chữa máy tính	2		2
4	Nghề Kỹ thuật may giày da	2		2
5	Nghề Đan dây nhựa	1		1
6	Nghề Pha chế	1		1
7	Nghề Nghiệp vụ du lịch	1		1
IV	Quận Ô Môn	7		7
1	Nghề May công nghiệp	1		1
2	Nghề Nấu ăn	1		1
3	Nghề Lái xe ô tô B2	2		2
4	Nghề Trang điểm	1		1
5	Nghề May gia dụng	1		1
6	Nghề Nghiệp vụ du lịch	1		1
V	Quận Thốt Nốt	11		11
1	Nghề Điện lạnh	2		2
2	Nghề kết cườm	1		1
3	Nghề Lái xe ô tô B2	1		1

4	Nghề Nề	1		1
5	Nghề Đan dây nhựa	2		2
6	Nghề May công nghiệp	1		1
7	Nghề Kỹ thuật may giày da	1		1
8	Nghề Sửa xe gắn máy	1		1
9	Nghề Điện cơ	1		1
VI	Huyện Phong Điền	7		7
1	Nghề Nấu ăn	1		1
2	Nghề Lái xe ô tô B2	1		1
3	Nghề May gia dụng	2		2
4	Nghề Sửa chữa máy nổ	1		1
5	Nghề May công nghiệp	1		1
6	Nghề Điện dân dụng	1		1
VII	Huyện Cờ Đỏ	6		6
1	Nghề Đan dây nhựa	1		1
2	Nghề Nấu ăn	2		2
3	Nghề Lái xe ô tô B2	3		3
VIII	Huyện Thới Lai	12		12
1	Nghề Đan dây nhựa	2		2
2	Nghề Đan lục bình	1		1
3	Nghề Kỹ thuật Hàn	1		1
4	Nghề May Công nghiệp	3		3
5	Nghề Đan đất	1		1
6	Nghề Nề (kỹ thuật xây dựng)	1		1
7	Nghề Làm móng (Nails)	1		1
8	Nghề Chăm sóc da	1		1
9	Nghề Lái xe ô tô B2	1		1
IX	Huyện Vĩnh Thạnh	4		4
1	Nghề Lái xe ô tô B2	1		1
2	Nghề Uốn tóc	1		1
3	Nghề Nấu ăn	1		1
4	Nghề Đan dây nhựa	1		1
Tổng cộng		86		86

PHỤ LỤC 4
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO THAM GIA DẠY NGHỀ
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2019

STT	Đơn vị đào tạo	Địa chỉ	Ghi chú
I	Lĩnh vực nông nghiệp		
1	Trung tâm nghiên cứu và Đào tạo nghề nông thôn – Viện nghiên cứu Phát triển ĐBSCL	<i>Khu II Đại học Cần Thơ, đường 3/2, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ</i>	
2	Trung tâm Khuyến nông	<i>4 Ngõ Hữu Hạnh, phường An Hội, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ</i>	
3	Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ	<i>Lộ tử Base, phường Phước Thới, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ</i>	
4	Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp – Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật thành phố Cần Thơ	<i>9 CMT8, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ</i>	
5	Trung tâm GDNN-GDTX quận Ô Môn	<i>Phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ</i>	
6	Trung tâm GDNN-GDTX quận Thốt Nốt	<i>Phường Thuận An, quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ</i>	
7	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phong Điền	<i>Thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, Tp. Cần Thơ</i>	
8	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thới Lai	<i>TT Thới Lai, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ</i>	
9	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cờ Đỏ	<i>TT Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, Tp. Cần Thơ</i>	
10	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Vĩnh Thạnh	<i>TT Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, Tp. Cần Thơ</i>	
11	Trường Trung cấp nghề Thới Lai	<i>TT Thới Lai, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ</i>	
II	Lĩnh vực phi nông nghiệp		
1	Trung tâm GDNN-GDTX quận Ninh Kiều	<i>Phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ</i>	
2	Trung tâm GDNN-GDTX quận Cái Răng	<i>Phường Lê Bình, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ</i>	
3	Trung tâm GDNN-GDTX quận Bình Thủy	<i>Khu dân cư Ngân Thuận, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ</i>	
4	Trung tâm GDNN-GDTX quận Ô Môn	<i>Phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ</i>	

5	Trung tâm GDNN-GDTX quận Thốt Nốt	<i>Phường Thuận An, quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ</i>	
6	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phong Điền	<i>Thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, Tp. Cần Thơ</i>	
7	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thới Lai	<i>TT Thới Lai, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ</i>	
8	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cờ Đỏ	<i>TT Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, Tp. Cần Thơ</i>	
9	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Vĩnh Thạnh	<i>TT Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, Tp. Cần Thơ</i>	
10	Trường Trung cấp nghề Thới Lai	<i>TT Thới Lai, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ</i>	
11	Trung tâm Dạy nghề Tây Đô	<i>830 QL91, Phường Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ</i>	
12	Trung tâm Dạy nghề Nhả Thành	<i>194 đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ</i>	
13	Trung tâm Dạy nghề Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam quận Ninh Kiều	<i>96/11 Lý Tự Trọng, phường An Cư, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ</i>	
14	Trung tâm GDNN Đào tạo và Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Cần Thơ	<i>36 Nguyễn Văn Linh, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ</i>	
15	Trung tâm GDNN Phụ nữ thành phố Cần Thơ	<i>4 Nguyễn Đình Chiểu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ</i>	
16	Công ty TNHH MTV Khánh Thịnh	<i>125 Tâm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ</i>	
17	Công ty Cổ phần Tư vấn ĐTXD Nam Á	<i>730, KV Tân Phước 1, phường Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ</i>	
18	Trung tâm GDNN thẩm mỹ FOB	<i>14/2A-14/4-14/6, Lý Tự Trọng, phường An Cư, quận Ninh Kiều Tp. Cần Thơ</i>	
19	Trường Cao đẳng nghề Du lịch Cần Thơ	<i>Số 85, Phan Đăng Lưu, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ</i>	
20	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật công đoàn Cần Thơ	<i>30-32 Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ</i>	
21	Trường Trung cấp nghề Đông Dương	<i>Phường Phú Thứ, quận Cái</i>	

		<i>Răng, Tp. Cần Thơ</i>	
22	Công ty TNHH Truyền thông Đào tạo Thương mại Dịch vụ Du lịch Thanh Đức	<i>14, đường A3, KDC Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ</i>	
23	Trung tâm dạy nghề lái xe Chiến Thắng	<i>Lô 11D KĐT Nam Cần Thơ, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, TP Cần Thơ</i>	
24	Doanh nghiệp tư nhân Trúc Quỳnh	<i>19A, Ngõ Văn Sở, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ</i>	
25	Doanh nghiệp tư nhân thủ công mỹ nghệ Mỹ Hà	<i>KV Lân Thạnh 2, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ</i>	
26	Trường Trung cấp Tây Đô	<i>90 Quốc lộ 1A, KV 2, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ</i>	
27	Trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật thành phố Cần Thơ	<i>105C Trần Quang Diệu, phường An Thới, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ</i>	
28	Công ty TNHH MTV Dạy nghề Hoài Thương	<i>19 Lê Văn Bì, phường An Thới, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ</i>	